

NHẬT BẢN CÁC VẤN ĐỀ VỀ KINH TẾ, CHÍNH TRỊ, VĂN HÓA, XÃ HỘI VÀ TRONG MỐI QUAN HỆ VỚI CÁC NƯỚC CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG

STT	TÊN TÀI LIỆU	TÁC GIẢ	SỐ	TRANG	NĂM	NGUYÊN VĂN
1	"Chủ nghĩa xã hội địa lý" Nhật Bản	Medvedev Zhoes; Bằng Nguyên d.	54	1 - 8	1999	Japonskij "geograficheskij socializm". "Dialog", 1998, No 11, tr. 71 - 75.
2	Bàn về vấn đề ý nghĩa toàn cầu của việc quốc tế hoá nền văn minh tinh thần Nhật Bản	Titarenkom; Thạch Viên d.	58	1 - 8	1994	K voprosu o global'nomznachenu internaciona japonkoj dukhovnoj kul'tury.m., "Problemy Dalnego Vostoka", 1993, No 6, tr.128-133.
3	Châu Á - Thái Bình Dương trong trật tự thế giới thế kỷ XXI	James C. Hsiung; Ngô Mai Diên d.; Nguyễn Văn Dân h.đ	47	1 - 9	2003	Pacific Asia in the twenty-first century world order. Asian Affairs, Vol 29, No 2, summer 2002, p.99-115
4	Châu Á - Thái Bình Dương trong trật tự thế giới thế kỷ XXI (Tiếp theo)	James C. Hsiung; Ngô Mai Diên d.; Nguyễn Văn Dân h.đ	48 & 49	1 - 16	2003	Pacific Asia in the twenty-first century world order. Asian Affairs, Vol 29, No 2, summer 2002, p.99-115.
5	Giới tri thức và hệ tư tưởng trong xã hội Nhật Bản hiện đại	Hideichiro Nakono; Nguyễn Thị Khánh d.; Nguyễn Chí Tình h.đ	4	1 - 7	1998	Intellectuals and Idioloies in Contemporary Japanese Society. Tư liệu trong dịp nói chuyên về Nhật Bản tại Trung tâm KHXH & NVQGVN tháng 8/1997
6	Giới tri thức và hệ tư tưởng trong xã hội Nhật Bản hiện đại (Tiếp theo)	Hideichiro Nakono; Nguyễn Thị Khánh d.; Nguyễn Chí Tình h.đ	5	1 - 9	1998	Intellectuals and Idioloies in Contemporary Japanese Society. Tư liệu trong dịp nói chuyên về Nhật Bản tại Trung tâm KHXH & NVQGVN tháng 8/1997
7	Kinh nghiệm của Nhật Bản sau chiến tranh cải cách kinh tế	Enemura N., Cukamoto; Đặng Hữu d.	43	1 - 14	1994	Oput posle voennoi Japonii v reformirovanii ekonomiki. Vópu ekonomiki, 1992, No 11.
8	Nhật Bản không có cách mạng	Karel Van Wolferen; Trần Hoàng Hoa d.	37	1 - 11	1994	Japan's Non Revolution. "Foreign Affairs" September - October, 1993, P 54 - 65
9	Những đặc điểm của sự phát triển kinh tế Nhật Bản những năm 90	Dinkevich A. I.; Vũ Mai Linh d.	64	1 - 12	2001	Osobennosti ekônlicheskogo razvitija Japonii 90-kh. Dengi i kredit, 2000, No. 6, st. 64-73.

STT	TÊN TÀI LIỆU	TÁC GIẢ	SỐ	TRANG	NĂM	NGUYÊN VĂN
10	Những đặc điểm của sự phát triển kinh tế Nhật Bản những năm 90 (Tiếp theo)	Dinkevich A. I.; Vũ Mai Linh d.	65	1 - 12	2001	Osobennosti ekonmicheskogo razvitija Japonii 90-kh. Dengi i kredit, 2000, No. 6, st. 64-73.
11	Phổ biến hạt nhân Nhật bản: Một vụ Plutonium rất bí ẩn	Lellouche Pierre; Nguyễn Văn Dũng d.	23	1 - 8	1993	Prolifération nucléaire (I, II) Japon: un plutonium très mystérieux. Japon: un plutonium mal exploité. "Revue de Presse", 19/11/1992, Pp.22-23
12	Sinh ra bởi tính đa nghĩa của Nhật Bản (Diễn từ Nobel 1994 về Văn học)	Kenzaburo Oe; Lê Sơn d.	72	1 - 11	1995	Rozhdennyi mnogomyslennostju Japonii. Inostrannaja Literatura, 1995, N0 5, str.176-184
13	Sự cáo chung của mô hình Đông Á? Quan sát sau "Hội thảo so sánh kinh nghiệm hiện đại hoá Đông Á" của Đại Học Bắc Kinh	Ou Yang Xinyi; Nguyễn Như d.	89	1 - 17	1996	Dong Ya moshi de Zhong jie Beida "Dong Ya xiandaihua Jingyan bijiao Yantaohui" hou de guānh. Taipei, "Zhongguo Dalu yanjiu", 1995 n., d.38j., d.2q., d.5-17y
14	Sử dụng chiến lược các cực tăng trưởng để đẩy mạnh phát triển vùng (Kinh nghiệm của Nhật Bản, Hàn Quốc và Trung Quốc)	Syrkin V.; Mai Linh d.	91 & 92	1 - 18	2001	Ispol' zovanie strategii poljusov rosta dlja uskorenija regional'nogorazvitija (na primere Japonij, Korei, i Kitaja). "Problemy Dal' nego Vostoka", 2000, No. 4, st.98-104.
15	Thách thức của năm 2001: Chính sách đối ngoại của Nhật Bản trước thềm thế kỷ XXI	Đặng Vinh d.; Trần Vũ h.đ	87	1 - 13	1999	Vyzov 2001 goda: Vneshnjaja politika Japonii vkanun XXI veka. - Nezavisimaja gazeta. 14 - 4 - 1999. St. 14.
16	Xây dựng lại nền kinh tế Nhật Bản vì một xã hội tri thức	Sakaiya Taichi; Nguyễn Đức Thương d.; Nguyễn Chí Tinh h.đ	19	1 - 9	2002	Rebuiding the Japanese economy for a "Knowledge - Value" Society. "Japan Quarterly" April-Juin 2001. Pp 3-8.